

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam

Năm 2013



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 6 số 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 263.646.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 263.646.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, số 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (08) 3838 6068
- Số fax: (08) 3838 6896
- Website: www.kisvn.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển:

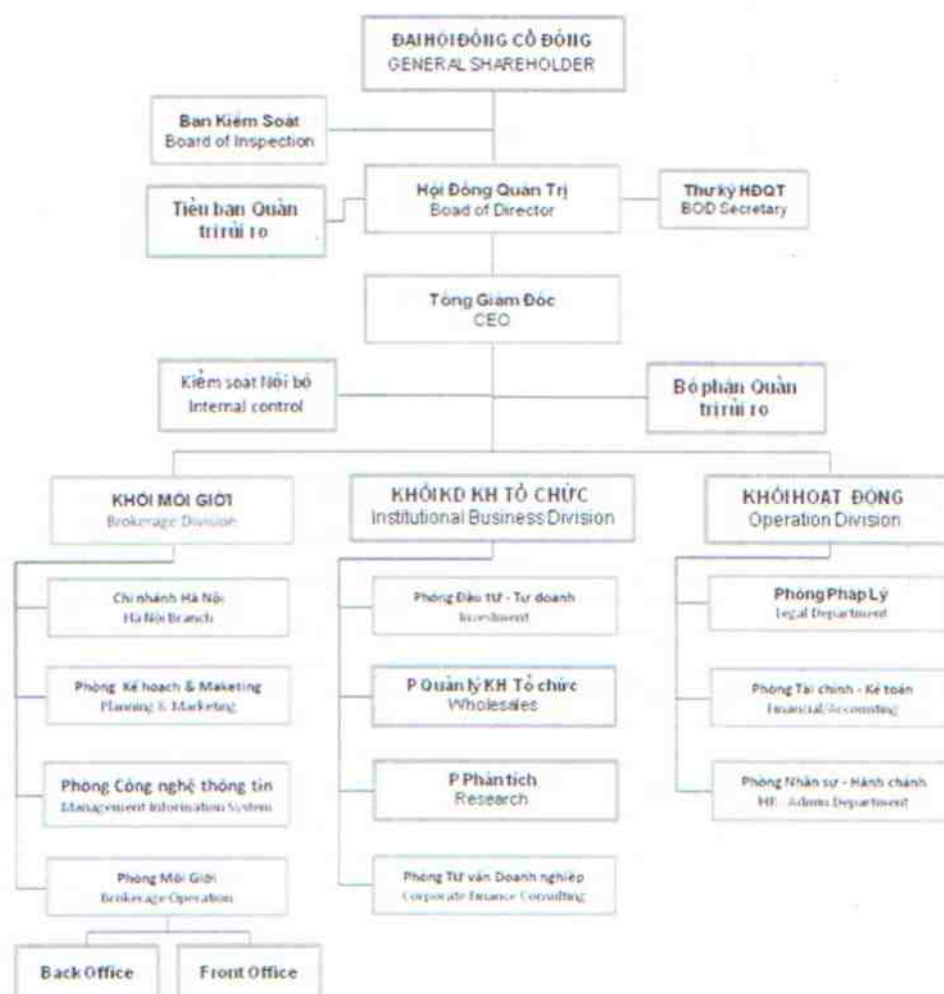
- Công ty Cổ Phần Chứng khoán KIS Việt Nam trước đây là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Gia Quyền được thành lập ngày 05/07/2007 Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/07/2007 với số vốn 135 tỷ đồng, từ tháng 12/2010 KIS Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên 263,646 tỷ đồng. Công ty được đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ Ban điều hành và các chuyên viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm về môi trường kinh doanh và mạng lưới quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.
- 17/07/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK
- 17/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quyết định số 57/QĐ-SGDHCM
- 28/08/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 215/QĐ-TTGDHN
- 12/06/2008 Công ty Chứng khoán Gia Quyền là Công ty Đại chúng, theo công văn số 1142/UBCK-QLPH ngày 13/06/2008 của UBCKNN
- 20/06/2008 Thành lập và khai trương Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 439/QĐ-UBCK
- 10/07/2008 Chi nhánh chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo giấy chứng nhận số 34/GCNTVLK-CN.
- 18/08/2010 Phát hành tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 263,646 tỷ đồng theo Quyết định số 662/QĐ- UBCK và đợt phát hành tăng vốn hoàn tất vào ngày 17/12/2010 theo giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK.
- Ngày 21/3/2012 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh 19/GPĐC-UBCK ngày 21/03/2011. Ngày 24/3/2012 Công ty chính thức đổi tên của Chi nhánh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 265/QĐ-UBCK ngày 24/03/2011.
- Ngày 08/7/2011 Công ty chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011.
- Ngày 29/02/2012 Chi nhánh Hà Nội chính thức thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 193/QĐ-UBCK do UBCK Nhà Nước cấp ngày 29/02/2012.

3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Công ty KIS Việt Nam đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trong các lĩnh vực của thị trường chứng khoán bao gồm:
 - Môi giới chứng khoán,
 - Tự doanh chứng khoán,
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán,
- Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cũng cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, và các dịch vụ tài chính khác theo quy định. Nguồn thu từ hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty trong hai năm gần đây.
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam.

4. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Công ty chứng khoán KIS Việt Nam có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.
- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
 - Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2011-2015 tại ngày 31/12/2013 gồm: 7 thành viên do ông Trần Văn Ái là Chủ tịch Hội đồng Quản trị; số lượng thành viên không điều hành là 6 người, số lượng thành viên điều hành là 1 người.
- Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011-2015 gồm 4 thành viên, do bà Bùi Thị Lệ Dung làm Trưởng Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, gồm 1 Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Giám đốc phụ trách Khối, Giám đốc Chi nhánh, các Trưởng phòng, Trưởng bộ phận.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- KIS đặt mục tiêu phát triển trở thành một công ty chứng khoán chuyên nghiệp hàng đầu của Việt Nam trên cơ sở kết hợp kinh nghiệm quốc tế và nguồn lực địa phương, phù hợp với nhu cầu và khung pháp lý quy định.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, Ban lãnh đạo KIS tập trung vào việc đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên, nâng cao phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, phát triển mạnh các dịch vụ tiện ích hỗ trợ cho nhà đầu tư:

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Xây dựng cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, phục vụ hiệu quả các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Cải tiến và tạo những giá trị mới cho hoạt động kinh doanh thông qua việc phát triển sản phẩm mới, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và quản trị rủi ro.
- Cải tiến nâng cấp hệ thống IT cạnh tranh cho hoạt động môi giới, cung cấp thông tin hiệu quả hơn cho khách hàng.
- Gia tăng nguồn nhân lực môi giới có chất lượng với chế độ lương thưởng cạnh tranh để thu hút nhân tài.

- Xây dựng đội ngũ phân tích chứng khoán để phục vụ khách hàng.
 - Gia tăng các hoạt động marketing, đẩy mạnh sức thu hút của thương hiệu.
 - Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường quản lý rủi ro và hoạt động tuân thủ.
 - Gia tăng giá trị của Công ty, tối ưu hoá và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: duy trì Công ty đã nhiều lần tổ chức các hoạt động tình nguyện, tạo các cơ hội thực tập cho sinh viên, Công ty tiếp tục thực hiện các công tác từ thiện và hoạt động xã hội như thăm và trao tặng quà cho trung tâm Thị Nghè... trong năm 2013, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động thiết thực như: tổ chức công tác hoạt động xã hội định kỳ với sự tham gia của toàn thể nhân viên KIS.

6. Các rủi ro:

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán nhiều biến động và rủi ro, Công ty luôn chú trọng ở mức cao nhất vai trò của công tác quản trị rủi ro. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tới các bộ phận nghiệp vụ, trong năm 2013 Công ty đã thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro, trực thuộc Hội đồng Quản trị, Công ty đã và đang hoàn tất xây dựng ban hành các chính sách quản trị rủi ro, chính sách quản lý hạn mức rủi ro, và quy trình quản trị rủi ro để đưa vào áp dụng theo đầy đủ tinh thần Quyết định 105/QĐ-UBCK do UBCKNN ban hành ngày 26/02/2013.

Công ty KIS nhận thấy các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như sau:

- Rủi ro thị trường:

Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản của Công ty theo chiều hướng bất lợi như: Chứng khoán trong danh mục tự doanh hoặc chứng khoán cho khách hàng vay ký quỹ bị giảm giá; Giảm giá của tài sản cố định Công ty đang sở hữu.

- Rủi ro hoạt động:

Đây là rủi ro có thể phát sinh từ các nhân tố như do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp.... Để giảm thiểu các rủi ro này, KIS đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến các cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận đưa ra các giải pháp để giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Trên thực tế các rủi ro hoạt động tại KIS được giám sát hạn chế ở mức tối đa.

- Rủi ro thanh toán:

Đây là rủi ro xuất phát từ việc Công ty bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày, do khi khách hàng không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Rủi ro thanh khoản:

Là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để bảo đảm các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản.

- Rủi ro pháp luật:

Đây là rủi ro phát sinh từ việc không cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. Có thể kể ra đây như: các giao dịch có khả năng bị vô hiệu do không phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành; Hợp đồng bị hủy bỏ do bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản,...

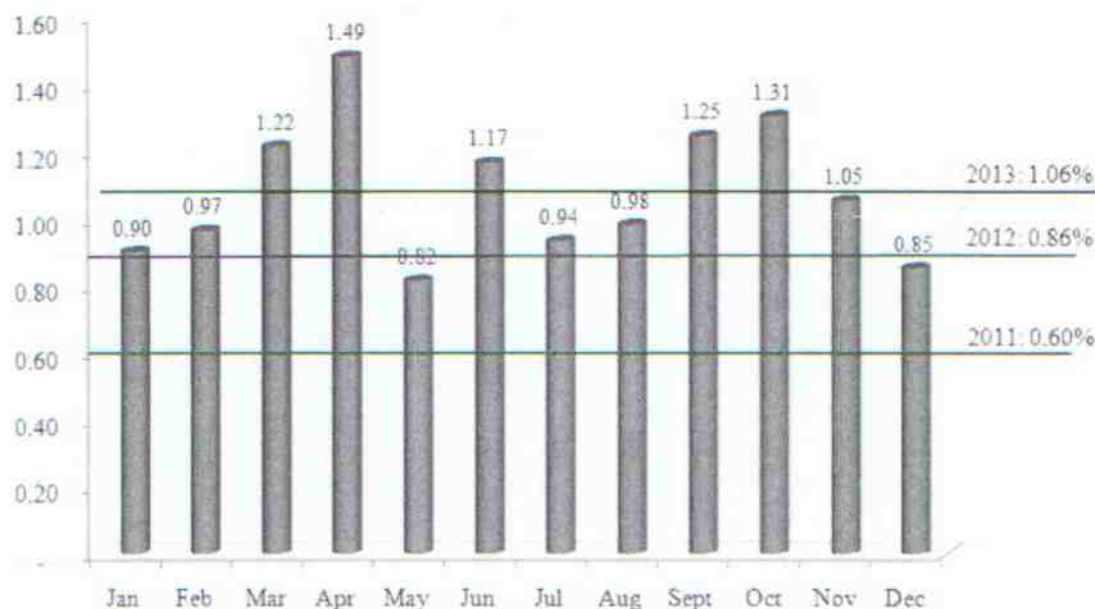
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

1.1 Dịch vụ Môi giới:

- Thị phần môi giới

THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN CỦA KIS NĂM 2013



Thị phần môi giới chứng khoán của KIS có những bước tăng trưởng đều đặn, từ mức 0.60% năm 2011, đến 0.86% năm 2012 và 1.06% năm 2013. Đặc biệt trong giai đoạn thị trường sôi động trong Quý 1 và đầu Quý 2 năm 2013, thị phần công ty đã có lúc đạt 1.49%.

Với kết quả đạt được như trên, KIS đã được nâng tầm từ top 30 năm 2012 lên top 20 năm 2013.

- Số lượng tài khoản:

Phân loại khách hàng		Đầu năm 2013	Tăng/giảm trong năm	Cuối năm 2013
Trong nước	Cá nhân	11,072	773	11,845
	Tổ chức	20	4	24
Nước ngoài	Cá nhân	44	15	59
	Tổ chức	12	2	14
Tổng		10,405	794	11,942

Về mặt số lượng tài khoản, năm 2013 KIS đã mở mới tổng cộng 794 tài khoản, trong đó có 6 tài khoản tổ chức, nâng tổng số tài khoản lên mức 11,942, tăng 15% so với năm 2012. Trong đó, Công ty đã thu hút được nhiều tài khoản có giao dịch lớn, đóng góp vào tăng trưởng thị phần của Công ty.

1.2 Hoạt động môi giới Front-Office:

- Năm 2013 KIS tiếp tục tăng cường tuyển dụng nhân sự kinh doanh cho hoạt động môi giới với tỷ lệ tăng trưởng 53%. Hoạt động đào tạo nhân sự môi giới được tổ chức định kỳ và thường xuyên với sự hỗ trợ của phòng Phân tích của Công ty và sự tham gia của Đội ngũ phân tích chuyên nghiệp từ Công ty Chứng khoán KIS Hàn Quốc. Bên cạnh đó các nhóm liên tục tổ chức các buổi thuyết trình, thảo luận về các chủ đề, lĩnh vực nhà đầu tư quan tâm để trau dồi học hỏi lẫn nhau, đồng thời nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư cho khách hàng. Tư vấn đầu tư được KIS xác định là giá trị cộng thêm cốt lõi và bền vững, là cốt lõi chất lượng dịch vụ môi giới, đảm bảo sự ổn định của khách hàng.
- Về cơ cấu tổ chức nhân sự kinh doanh môi giới, môi giới được chia thành nhiều nhóm môi giới với một trưởng nhóm chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, điều phối, báo cáo chiến lược và hoạt động của các thành viên trong nhóm. Việc phân nhóm này giúp tăng cường hiệu quả quản lý, tạo sự cạnh tranh lành mạnh và học hỏi lẫn nhau giữa các nhóm. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và cập nhật thường xuyên quy chế trả lương kinh doanh dựa trên hiệu quả làm việc cho nhân sự kinh doanh nhằm khuyến khích tinh thần và hiệu quả làm việc môi giới, đồng thời thu hút thêm nhiều môi giới mới.
- Trong năm qua, KIS có nhiều chiến lược trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như cải tiến hệ thống giao dịch trực tuyến. Nhiều tiện ích và nâng cấp áp dụng cho hệ thống giao dịch qua điện thoại. Trong năm, Công ty ra mắt thành công sản phẩm mới K-Mobile, phần mềm giao dịch trực tuyến trên hệ điều hành iOS, dành riêng cho Iphone và Ipad.
- Công ty cũng không ngừng nghiên cứu hướng phát triển và giải pháp cho các sản phẩm dịch vụ mới, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ tài chính, phân phối chứng chỉ quỹ. Trong năm qua, KIS cũng đã thành công trong việc ký kết hợp tác trở thành nhà phân phối chính thức chứng chỉ quỹ mở cho 2 quỹ lớn tại Việt Nam nhằm đa dạng hoá sản phẩm – dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

1.3 Hoạt động môi giới Back-Office:

- a) *Phối hợp với phòng IT và công ty cung cấp phần mềm giao dịch (Tongyang HPT) hoàn thiện và nâng cấp hệ thống giao dịch, đảm bảo đáp ứng với các yêu cầu của cơ quan quản lý.*
 - Phát triển thêm chức năng liên kết giữa tài khoản chứng khoán và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng BIDV của khách hàng, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước trước ngày 15/01/2014.
- b) *Hoàn thiện các dịch vụ hiện có và triển khai các dịch vụ mới cho khách hàng:*
 - Phân phối chứng chỉ quỹ mở: Trong năm 2013, công ty thực hiện việc ký hợp đồng với nhiều công ty quản lý quỹ để trở thành đại lý phân phối các chứng chỉ quỹ mở do các công ty này quản lý. Tiến hành cài đặt hệ thống và chính thức nhận lệnh giao dịch của hai chứng chỉ quỹ là VFMVF1 và VFMVF4 từ cuối năm 2013.

1.4 Tư vấn tài chính Doanh nghiệp

Tiếp tục tập trung mảng tư vấn M&A như kế hoạch, Công ty đã kết nối được với nhiều quỹ đầu tư tài chính hoạt động tại Việt Nam và các công ty chứng khoán khác. Thông qua việc hợp tác với các đối tác trên, Công ty đã tìm kiếm những doanh nghiệp có nhu cầu mua-bán vốn để giới thiệu cho nhà đầu tư Hàn Quốc tại Việt Nam. Công ty đã thực hiện cung cấp thông tin và dịch vụ hỗ trợ cho một số nhà đầu tư Hàn Quốc tìm kiếm đối tác phù hợp để mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Do tính chất của hoạt động này, thời gian thực hiện dịch vụ tương đối dài nên chưa có kết quả ngay trong kỳ báo cáo. Đối với hoạt động truyền thống như phát hành, tăng vốn, niêm yết, Công ty chủ yếu thực hiện một vài dịch vụ cho những khách hàng hiện tại để duy trì mối liên hệ với các doanh nghiệp này.

1.5 Tự doanh:

Trong năm qua công ty vẫn tiến hành theo dõi sát sao danh mục đang nắm giữ và tìm cơ hội tốt để bán. Hiện tại danh mục niêm yết và OTC còn lại của công ty là các cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi và chia tỷ lệ cổ tức cao hàng năm, công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để bán dần các cổ phiếu thu lợi cho công ty trong năm 2014.

Kết quả hoạt động tự doanh năm 2013 như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động đầu tư trong năm 2013 là: 1,776,034,662 đồng
- Tổng giá trị danh mục chứng khoán niêm yết đến cuối năm 2013 đạt 10,537,607,715 đồng
- Tổng giá trị danh mục chứng khoán chưa niêm yết là (NAV) 23,640,872,845 đồng.

1.6 Công tác chăm sóc khách hàng và thương hiệu:

- Năm 2013, Công ty tiếp tục định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới thông qua hoạt động tư vấn đầu tư, đã thực hiện chuỗi hội thảo tại hội sở, chi nhánh và các điểm khai thác thương hiệu.
- Công ty tổ chức Chương trình khuyến mãi Tri ân khách hàng – Du lịch Hàn Quốc cùng KIS.

1.7 Công tác xây dựng công nghệ thông tin và hệ thống hạ tầng:

- Năm 2013 có ít thay đổi nên những hoạt động và điều hành của IT chủ yếu tập việc hỗ trợ cho các quá trình chỉnh sửa, nâng cấp hệ thống phục vụ khách hàng.

2 Tổ chức và nhân sự *Danh sách Ban điều hành:*

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Oh Kyung Hee	▪ Ngày sinh: 15/01/1960 ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc ▪ Trình độ học vấn: Thạc sỹ. ▪ Quá trình công tác: - 02/1986 đến 06/2000 - Giám đốc cấp cao - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 6/2000 đến 03/2009 - Giám đốc điều hành Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hồng Kông. - 04/2009 đến 12/2010 - Chức vụ: Trưởng đại diện/GĐĐH VPĐD Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Việt Nam.	0%
Giám đốc Khối Môi giới	Cha Hun Do	▪ Ngày sinh: 29/12/1972 ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: - 3/1997 đến 3/2000: NV Môi giới - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 4/2000 đến 3/2009: NV Phòng kế hoạch- Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc. - 4/2009 đến 9/2010: Quản lý chi nhánh - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc ▪ 10/2010 đến 11-2010: Team hỗ trợ kinh doanh toàn cầu - Cty TNHH ĐT&CK Hàn Quốc tại Hàn Quốc	0%
Giám đốc Khối Hoạt động	Nguyễn Phước Thiện	▪ Ngày sinh: 24/01/1976 ▪ Quốc tịch: Việt Nam ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: - 1999-2001 NVTV tại VPLS Trương Thị Hòa - 2001-3/2006 Trợ lý GĐ NSHC tại TTMS Sài Gòn – Nguyễn Kim. - 4/2006-11/2006 TP HCQT&Tr Ban Ply tại Cty CP DVCNTH HPT. - 11/2006-3/2007 TrP Ply & TTNB tại Cty CPCK TpHCM ▪ 07/2007 đến nay GĐ Pháp lý tại Cty CPCK KIS VN.	0.222%

Kế toán trưởng	Trương Thị Kim Dung	▪ Ngày sinh: 15/01/1960 ▪ Quốc tịch: Hàn Quốc ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Quá trình công tác: - 1992 đến 1994 Công tác tại Cục thuế Hành tân - Bình Thuận - 1994 đến 2007 - Kế toán trưởng tại công ty Tungshin & Tungkuang CO.,LTD. - 11/2007 đến 6/2008 - Kế toán trưởng CN Công ty CK VN Direct.	0.033%
----------------	---------------------	--	--------

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ngày 17/01/2012 ông Trần Quang thôi giữ chức vụ Giám đốc Khối Kinh doanh khách hàng tổ chức.

- Số lượng cán bộ nhân viên.

Đơn vị/Phòng ban		Tính đến 31/12/2013
Ban điều hành:		4 NV
Khối Môi Giới	Hội sở chính	21 NV
	Chi nhánh Hà Nội	9 NV
Khối Kinh doanh khách hàng tổ chức		7 NV
Khối Hoạt động		32 NV
TỔNG CỘNG		73 NV

2.2 Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách lương, thưởng của Công ty được ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, Về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của công ty
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động như: thưởng nhân các ngày Lễ, Tết ...
- Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương phù hợp tương xứng với năng lực, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết năng lực. Công ty tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ chi phí cho nhân viên tham gia các khóa học chuyên ngành do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức cũng như các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn khác theo chính sách của Công ty.
- Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động.
- Công ty tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật về lao động như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân,

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.... Công ty tổ chức việc khám kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm cho toàn thể CBNV Công ty.

- Về chính sách đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài. Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh.
- Ngoài ra, nhằm tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, KIS luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, Công ty còn quan tâm đến đời sống tinh thần của toàn thể CBNV trong Công ty thông qua việc tổ chức các chương trình nghỉ mát, dã ngoại, các buổi tiệc cho toàn thể nhân viên và gia đình trong các dịp lễ tết.

2. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a) Các khoản đầu tư lớn: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

3. **Tình hình tài chính**

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	202,372.74	194,776	96%
Doanh thu thuần	37,246.84	33,697	90%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,221.41	-6,562	
Lợi nhuận khác	175.63	0,228	
Lợi nhuận trước thuế	1,397.04	-6,334	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,397.04	-6,334	

– Các chỉ tiêu khác:

b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
☐ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	400%	406%	
☐ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	400%	406%	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
☐ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	22%	22%	
☐ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	28%	29%	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
☐ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân			
☐ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4%	-19%	
☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1%	-4%	
☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1%	-3%	
☐ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3%	-19%	

4. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại :
 - Cổ phiếu phổ thông : 26.364.600 cổ phần
 - Mệnh giá : 10.000 đồng
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - Cổ phiếu phổ thông : 26.364.600 cổ phần
 - Mệnh giá : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ : Không

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cá nhân	10,379,000	39.367%
1	Cá nhân trong nước	10,349,950	39.257%
2	Cá nhân nước ngoài	29,050	0.110%
II	Tổ chức	15,985,600	60.633%
1	Tổ chức trong nước	3,121,000	11.838%
2	Tổ chức nước ngoài	12,864,600	48.975%
	Tổng cộng	26,364,600	100%
CỔ ĐÔNG LỚN		16,979,600	64.403%
I	Cá nhân	1,820,000	6.903%
1	Cá nhân trong nước	1,820,000	6.903%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0.000%
II	Tổ chức	15,159,600	57.500%
1	Tổ chức trong nước	2,295,000	8.705%
2	Tổ chức nước ngoài	12,864,600	48.795%

Danh sách Cổ đông lớn trên 5%:

STT	Cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh/ hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	27-1 Yeouido- dong, yeongdeungpo- gu, Seoul, Republic of Korea.	Đầu tư tài chính, chứng khoán	12,864,600	48,795%	
2	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	25 Bà Triệu, Hà Nội	Dệt May	2.295.000	8,705%	
3	Trần Văn Ái	139 Lý Tự Trọng, Q.1, TP.HCM	Kinh doanh May mặc	1.820.000	6,903%	

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	2013 vs 2012 (%)	TH vs KH (%)
Doanh thu	33,697	37,247	56,941	90%	59%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	13,536	11,158	31,184	121%	43%
- Doanh thu tư vấn tài chính DN	3,794	6,300	5,676	60%	67%
- Doanh thu tự Doanh	1,776	3,169	4,170	56%	43%
- Doanh thu khác	14,591	16,620	15,911	88%	92%
Chi phí hoạt động kinh doanh	7,988	4,942	9,934	162%	80%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32,271	31,084	45,188	104%	71%
Lợi nhuận khác	228	176	0		
Lợi nhuận trước thuế	-6,334	1,397	1,818		

Tổng doanh thu KIS năm 2013 là 33,69 tỷ đồng, chỉ chiếm 59% so với kế hoạch do tình hình chung trên thị trường trong đó:

- Doanh thu môi giới là 13,35 tỷ đồng, đạt 43% so với kế hoạch và tăng 21% so với doanh thu thực hiện năm 2012 đồng thời chiếm 40 % tổng doanh thu.
- Doanh thu của hoạt động tư vấn đạt 3,79 tỷ đồng chiếm 11 % tổng doanh thu, đạt 67% so với kế hoạch.
- Doanh thu tự doanh là 1,77 tỷ đồng, đạt 43% so với kế hoạch (doanh thu tự doanh bao gồm cổ tức), chiếm 5% tổng doanh thu.
- Doanh thu khác đạt 14,59 tỷ đồng, tương đương 92% kế hoạch và chiếm 43 % tổng doanh thu.
- Chi phí quản lý là 32,27 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2012, chủ yếu là chi phí khấu hao, thuê văn phòng, chi phí nhân viên... phục vụ mục đích mở rộng kinh doanh.
- Trong năm 2013, công ty không có nợ xấu, chỉ tiêu an toàn tài chính tuân thủ đúng với quy định pháp luật.

2. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài sản
 - Cuối năm 2013, KIS có tổng tài sản 194 tỷ đồng, giảm 7,5 tỷ đồng (tương ứng -4%) so với thời điểm cuối năm 2012. Quy mô tài sản trong năm ít biến động tuy nhiên cơ cấu tài sản đã cơ bản

thay đổi. Tài sản cố định giảm từ 17 tỷ đồng xuống còn 12 tỷ đồng do khấu hao trong năm, giá trị các khoản đầu tư tài chính không có biến động.

b) Tình hình nợ phải trả

- Với lượng vốn chủ sở hữu dồi dào, KIS không có các khoản vay nợ (ngắn, dài hạn) từ các tổ chức tài chính do vậy không phát sinh chi phí lãi vay trong năm 2013. Đồng thời, các khoản công nợ phải trả chiếm tỷ lệ rất thấp (0,5 %) trên tổng nguồn vốn của KIS tại thời điểm cuối năm và không có nợ quá hạn. KIS không có rủi ro thanh toán tại thời điểm cuối năm 2013.

c) Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các giao dịch sử dụng ngoại tệ trong năm 2013 của Công ty có giá trị rất nhỏ, do vậy chênh lệch tỷ giá hối đoái không gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2013, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a) Chiến lược chung 2014 với mục tiêu:

- "TOP 20"
- Thị phần: 1.61%
- Chi nhánh: 1 CN

b) Kế hoạch kinh doanh 2014:

Chỉ tiêu		Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013
1	Doanh thu	62,010	56,941
	- Doanh thu môi giới chứng khoán	28,814	31,184
	- Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp	3,794	5,676
	- Doanh thu tư Tự doanh	4,033	4,170
	- Doanh thu khác	25,369	15,911
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	19,454	9,934
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33,442	45,188
0	Lợi nhuận khác	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	9,114	1,818
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
7	Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	9,114	1,818
8	Tăng trưởng EPS (%)		

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Trong năm qua, HĐQT đã luôn thực hiện vai trò giám sát một cách sâu sát, thường xuyên nhằm hạn chế ảnh hưởng suy thoái thị trường đối với vốn và tài sản công ty trong quá trình kinh doanh. Đánh giá năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn, HĐQT đã tăng cường hoạt động giám sát các chi phí hoạt động như chi phí tiền lương, đi lại, các chi phí có thể cắt giảm được. Bên cạnh đó, HĐQT chủ trọng thực hiện giám sát việc tăng trưởng doanh thu ở các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo công ty có sự phát triển toàn diện và bền vững, ngăn ngừa các vi phạm trong hoạt động thường ngày và giảm thiểu các rủi ro kinh doanh. HĐQT cũng chỉ đạo Ban điều hành xây dựng và phát triển các quy định quản lý nội bộ và các quy định hoạt động với mục tiêu từng bước chuẩn hoá hệ thống quản trị, đảm bảo sự minh bạch. Thực hiện nhiệm vụ giám sát tình hình hoạt động để kịp thời đưa ra các chỉ đạo chiến lược cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Năm 2013 là năm KIS Việt Nam tích cực hoạt động sau khi ổn định nhân sự và đầu tư hạ tầng cung cấp dịch vụ. Song song đó, HĐQT cũng đã tích cực theo sát hoạt động công ty và có chỉ đạo kịp thời. Trong năm qua, BĐH đã nỗ lực phát triển tăng thị phần công ty từ 0.86% lên thành 1.06%, tuy nhiên không đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2013.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2014, HĐQT hỗ trợ việc tăng nguồn lực tài chính cho Công ty, tiếp tục sẽ đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, HĐQT sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công ty phấn đấu hoàn thành hoặc vượt các chỉ tiêu kế hoạch tài chính kinh doanh năm 2014. Các hoạt động cụ thể dự kiến như sau:

- Quyết tâm thực hiện đúng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, và mục tiêu lợi nhuận cam kết cho năm 2014.
- Đẩy mạnh vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý để đảm bảo hiệu quả nguồn vốn và hiệu quả hoạt động, tuân thủ đúng các quy định Pháp luật và thực thi kịp thời Nghị quyết Đại hội cổ đông giao phó.
- Giám sát Ban điều hành hoạt động hiệu quả, đạt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2014.
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro của Công ty.
- Tiếp tục rà soát và tiêu chuẩn hoá và cập nhật toàn diện các quy định, quy chế quản lý và hoạt động của công ty, duy trì chế độ giám sát việc thực thi của các quy định này.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết nắm giữ			Hình thức	Thay đổi	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
			Cá nhân	Đại diện	Tỷ lệ			
1	Trần Văn Ái	Chủ tịch	1.820.000		6,903%	Không điều hành		3
2	Lim, Chun Soo	P. Chủ tịch		12,864,600	48,795%	Không điều hành		
3	Uông Tiến Thịnh	P. Chủ tịch		2,295,000	8,705%	Không điều hành		1
4	Nguyễn Hữu Nam	P. Chủ tịch thường trực	209.317		0,794%	Độc lập		
5	Oh, Kyung Hee	Ủy viên	-	-	-	Điều hành		
6	Ông Lee Kang Haeng	Ủy viên	-	-	-	Không điều hành		
7	Ông Kim Min Kyu	Ủy Viên	-	-	-	Không điều hành	Bổ nhiệm bổ sung từ ngày 18/04/2013	
8	Ông. Park Won Sang	Ủy Viên				Không điều hành	Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2013	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Quản trị rủi ro.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị luôn theo dõi Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nội dung của nghị quyết Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Theo đó Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và giám sát thực hiện những vấn đề sau:

- Đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013 của Công ty.
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đúng theo quy định của Pháp luật.
- Lập, nộp và công bố thông tin đúng quy định các Báo cáo theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước

Các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 20 cuộc họp trong đó có 04 cuộc họp tập trung và 16 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ-HĐQT	12/03/2013	N/Q Thông qua chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2013
2	01-2013/QĐ-HĐQT	13/03/2013	Q/Đ Triệu tập Đại hội Cổ đông thường niên 2013 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam
3	02-2013/QĐ-HĐQT	13/05/2013	Quyết định triệu tập Đại hội cổ đông bất thường 2013 của Công ty
4	03-2013/QĐ-HĐQT	29/05/2013	Quyết định nội dung và tài liệu ĐHCD bất thường của Công ty
5	04-2013/QĐ-HĐQT	10/6/2013	Quyết định hoãn tổ chức Đại hội cổ đông bất thường 2013
6	02/2013/NQ-HĐQT	26/06/2013	N/Q Thông qua nâng hạn mức giao dịch kỳ quỹ của công ty
7	05-2013/QĐ-HĐQT	05/09/2013	QĐ Triệu tập lại Đại hội cổ đông bất thường 2013
8	06-2013/QĐ-HĐQT	24/09/2013	Nội dung và tài liệu họp Đại hội Cổ đông bất thường 2013 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam
9	06.1-2013/QĐ-HĐQT	04/10/2013	Quyết định hoãn tổ chức Đại hội cổ đông bất thường 2013 ngày 7/10/2013
10	07-2013/QĐ-HĐQT	04/10/2013	Quyết định Thành lập Tiểu ban quản trị rủi ro công ty
11	08-2013/QĐ-HĐQT	01/11/2013	Quyết định triệu tập Đại hội cổ đông bất thường qua thư xin ý kiến về nguyên tắc chủ trương bán lại cổ phần hiện hữu của cổ đông lock-up và cổ đông Việt Nam cho cổ đông Chiến lược Korea Investment & Securities Co, Ltd.
12	09-2013/QĐ-HĐQT	13/11/2013	Quyết định gia hạn Hợp đồng lao động của Tổng giám đốc ông Oh Kyung Hee
13	10-2013/QĐ-HĐQT	06/12/2013	Quyết định triệu tập Đại hội cổ đông bất thường qua thư xin ý kiến từ ngày 9/12-23/12/2013
14	03/2013/NQ-HĐQT	10/12/2013	NQ Thông qua Hợp đồng vay giữa KIS VN và Korea Investment Holdings
15	04/2013/NQ-HĐQT	30/12/2013	NQ Thông qua điều chỉnh Hợp đồng vay giữa KIS VN và Korea Investment Holdings

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:
Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:
Tiểu ban quản trị rủi ro đã xúc tiến xây dựng chính sách khả năng chấp nhận rủi ro của công ty, triển khai giám sát hoạt động quản trị các chính sách rủi ro của Ban giám đốc.
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát:

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng Cổ phần có quyền biểu quyết	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban	2.000	0,008%
2	Nguyễn Đức Hùng	Ủy viên	306.000	1,161%
3	Han Joon Ho	Ủy viên		
4	Hwang Jeong Yun	Ủy viên		

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2013, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát chủ trọng đến những hoạt động kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực sau:

- Kiểm soát chiến lược: Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 Công ty thông qua.
- Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm soát việc thực hiện các quy trình nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó có ý kiến với Ban điều hành.

Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng quý, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Có ý kiến và phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban điều hành trong việc thực thi những kiến nghị do đơn vị kiểm toán đưa ra.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

▪ Hội đồng Quản trị:

- Chủ tịch : 7.000.000 đồng/tháng
- Thành viên : 6.000.000 đồng/tháng

Các thành viên người Hàn Quốc tự nguyện không nhận thù lao năm 2013.

▪ Ban Kiểm soát:

- Trưởng ban: 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên : 3.000.000 đồng/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Hợp đồng Tư vấn ký kết giữa Công ty CP CK KIS Việt Nam với Công ty TNHH Đầu tư & Chứng khoán Hàn Quốc ngày 01/01/2011.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Tiếp tục tiến hành việc lưu ký cổ phiếu Công ty CP CK KIS Việt Nam tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:



CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Hồ Chí Minh City
No. 38/4 Linh Sơn, Tân Bình District T. 846 8296 8594
No. 428 Cao Thắng, District 10 T. 846 3866 3306
Office in Ho Chi Minh City
No. 11 Ho Chi Minh, District 1 T. 846 8296 3006
Ho Chi Minh City T. 846 8296 3006 www.dfk.com.vn

Số: 90/BCKT-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam, được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ ngày 01 đến ngày 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi được tiến hành các thủ tục này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


NGUYỄN LƯƠNG NHÀN
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0182-2013-042-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 03 tháng 3 năm 2014


LÊ DINH HUYỀN
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1750-2013-042-1

Trang 2/28

An independent member firm of DFK International

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm

- Bảng Cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc

Ph. Kyung Hee



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank, 180-192 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ai	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Dương Tiến Thịnh	Phó chủ tịch
Ông Lâm Châm Sơn	Phó chủ tịch
Ông Oh Kyung Hee	Thành viên
Ông Kim Min Kyu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Park Won Sang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Lee Kang Haeng	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Hùng	Thành viên
Ông Hwang Jeong Yun	Thành viên
Ông Lee Yul Hee	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Han Joon Ho	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)

Tổng Giám đốc

Ông Oh Kyung Hee	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



OH KYUNG HEE
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		43.381.618.162	44.643.898.093
Nợ ngắn hạn	310		43.381.618.162	44.643.898.093
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312		-	1.726.702.600
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	569.096.620	284.640.476
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		481.785.898	471.743.572
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	40.748.416.502	39.840.289.574
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.523.392.000	2.251.475.200
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	16	58.927.142	69.046.671
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.394.391.425	157.728.839.025
Vốn chủ sở hữu	410	17	151.394.391.425	157.728.839.025
Vốn điều lệ	411		263.646.000.000	263.646.000.000
Lợi lũy kế	420		(112.251.608.575)	(105.917.160.975)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.776.009.587	202.372.737.118

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Trang 4/28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Đơn vị: VND	
		31/12/2013	01/01/2013
Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Tài sản nhận ký cược	003	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005	-	-
Chứng khoán lưu ký	006	978.158.550.000	757.149.700.000
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	007	758.197.160.000	600.723.730.000
Chứng khoán gửi dịch vụ thành viên lưu ký	008	2.600.100.000	3.368.240.000
Chứng khoán gửi dịch vụ khách hàng trong nước	009	701.421.280.000	509.870.930.000
Chứng khoán gửi dịch vụ khách hàng nước ngoài	010	54.175.780.000	87.484.540.000
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	13.770.310.000	8.268.530.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	13.770.310.000	8.268.530.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
Chứng khoán cầm cố	017	10.020.000.000	10.020.000.000
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	10.020.000.000	10.020.000.000
Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	027	28.379.230.000	30.917.000.000
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	28.379.230.000	30.917.000.000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Trang 5/28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Đơn vị: VND	
		31/12/2013	01/01/2013
Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.406.960.000	1.491.330.000
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	60.000	310.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	1.353.190.000	1.491.020.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	53.710.000	-
Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	166.384.890.000	106.329.110.000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043	-	-
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	166.384.890.000	106.329.110.000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045	-	-
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
Chứng khoán sin lỗi giao dịch	047	-	-
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	12.426.230.000	40.808.750.000
Trong đó:			
Chứng khoán giao dịch	051	12.426.230.000	40.808.750.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	610.000	-
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	12.237.620.000	40.808.750.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	158.000.000	-
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
Chứng khoán tạm ngưng giao dịch	056	-	-
Chứng khoán cầm ch	061	-	-
Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
Chứng khoán sin lỗi giao dịch	081	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	19.026.310.000	18.246.210.000
Chứng khoán nhận ủy thác đầu tư	084	-	-

Quản lý

TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
Kế toán trưởng
03 tháng 3 năm 2014



ĐỖ VĂN HEE
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B03-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu	01		33.696.923.508	37.246.838.847
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		13.535.969.285	11.157.615.089
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.776.034.662	3.169.439.322
- Doanh thu tạo thành phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.794.406.518	6.300.991.272
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		517.968.829	155.434.790
- Doanh thu hoạt động ủy thác đặc biệt	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9	18	14.072.544.214	16.464.258.374
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		33.696.923.508	37.246.838.847
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	7.985.163.335	4.941.596.143
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		25.708.760.173	32.305.242.704
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	32.271.039.409	31.083.827.410
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.562.279.236)	1.221.415.294
Thu nhập khác	31		227.831.636	175.757.549
Chi phí khác	32		-	104.581
Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		227.831.636	175.652.968
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(6.334.447.600)	1.397.068.262
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.334.447.600)	1.397.068.262
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		(240)	53

Trưởng

TRƯỞNG THỊ KIM DUNG
Kế toán trưởng
03 tháng 3 năm 2014



OH KIM NG HEE
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

Trang 7/28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		(6.334.447.600)	1.397.048.262
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.962.026.321	5.060.963.087
Các khoản dự phòng	03		(1.778.264.530)	(10.969.749.306)
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	03		(4.096.264.797)	(10.032.970.896)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.246.950.606)	(14.544.708.833)
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(37.866.136.624)	(30.305.517.746)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(6.878.987)	11.897.102.955
Tăng/giảm các khoản phải trả	11		(1.262.279.931)	18.496.869.054
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.317.927.638	(1.040.187.073)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		107.120.000	15.706.500
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(371.836.590)	(155.197.837)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20		(45.129.035.100)	(3.555.538.874)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21		(856.878.731)	(142.986.240)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.096.264.797	10.032.970.896
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30		3.239.386.066	9.889.984.656
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40			
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(41.889.649.034)	6.334.425.782
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		88.278.766.865	81.944.341.083
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		46.389.117.831	88.278.766.865

Quản

TRƯỞNG THỊ KIM DUNG
 Kế toán trưởng
 03 tháng 3 năm 2014



CHUYỂN THỂ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Trang 8/28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm.***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 56/UBCK-GPHDKD ngày 05/7/2007, Giấy phép điều chỉnh số 376/GPDC-UBCK ngày 17/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPDC-UBCK ngày 21/3/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPDC-UBCK ngày 08/7/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ theo Giấy phép là 263.646.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Tru, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam đặt tại tầng 6 số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tài sản và hiệu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các giao dịch phát sinh đồng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do giao dịch trong hoạt động kinh doanh và từ lỗi thuần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2.6 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.8 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các chứng khoán này được ghi nhận tiếp theo theo giá gốc trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận, nếu có.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cập tới thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần nhất.

2.9 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	8
Tài sản vô hình	4 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2.10 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể được áp dụng đối với:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

2.12 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	17.724,536	9.139,458
Tiền gửi ngân hàng	20.337.152,857	12.552.989,528
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	26.034.240,438	14.716.637,879
Các khoản tương đương tiền	-	61.000.000,000
Cộng	46.389.117,831	88.278.766,865

4. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
a. Của Công ty	33,536	386,085,300
- Cổ phiếu	33,536	386,085,300
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Của nhà đầu tư	596,094,006	7,270,495,821,634
- Cổ phiếu	595,885,676	7,268,480,794,634
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	208,330	2,015,027,000
Cộng	596,127,542	7,270,881,906,934

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTCK

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ/TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng	Giảm	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
- Cổ phiếu niêm yết	260.077	10.537.607.715	18.781.128	(3.772.177.030)	6.784.211.813
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.902.671	68.026.678.449	-	(40.613.628.574)	27.413.049.875
Tổng cộng	2.162.708	78.564.286.164	18.781.128	(44.385.805.604)	34.197.261.688

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phụ tư chứng khoán ngắn hạn	78.564.286.164	78.557.407.177
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(44.385.805.604)	(46.164.070.134)
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	34.178.480.560	32.393.337.043

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ phiếu niêm yết						
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Đầu	10.537.607.715	13.364.826.196	(3.772.177.030)	(5.894.224.496)	6.765.430.685	7.470.601.700
khẩu Việt Nam (PVP)	-	3.853.093.905	-	(2.198.759.905)	-	655.233.600
Niên bang, Thương mại cổ phần	10.376.039.097	10.324.883.897	(3.691.475.597)	(3.592.448.697)	6.684.563.500	6.732.435.200
Nguyệt thương Việt Nam (NVCB)	211.577.718	185.948.794	(80.701.433)	(103.015.893)	130.876.285	82.932.000
Cổ phiếu khác						
- Cổ phiếu chưa niêm yết						
Tổng Công ty Cổ phần Lạc Việt	68.026.678.449	65.172.633.944	(40.613.638.574)	(40.269.845.638)	27.413.049.875	24.902.788.306
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	10.080.000.000	10.080.000.000	(7.596.876.225)	(7.617.655.338)	2.483.123.775	2.462.344.662
Công nghệ Nguyễn Hoàng	10.350.000.000	10.350.000.000	(4.402.744.157)	(4.402.744.157)	5.947.255.843	5.947.255.843
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	15.000.001.000	15.000.001.000	(10.665.069.061)	(10.734.235.397)	4.334.931.939	4.265.765.603
Công ty Cổ phần Phát triển	20.422.283.144	20.422.283.144	(12.212.905.464)	(12.164.496.330)	8.209.379.680	8.257.786.814
Khẩu Công nghiệp Tín Nghĩa	593.949.800	593.949.800	176.692.426)	-	517.257.374	593.949.800
Công ty Cổ phần Thương mại Đất Mũi	2.854.044.503	-	(2.073.014.503)	-	780.100.000	-
Niên bang TMCP Đại chúng Việt Nam	8.726.400.000	8.726.400.000	(3.585.398.736)	(5.330.214.216)	5.141.001.264	3.375.685.784
Tổng Công ty Cổ phần Máy Việt Tiến						
Tổng cộng	78.564.286.164	78.537.460.140	(44.385.895.604)	(46.164.076.134)	34.178.480.560	32.373.900.006

Trang 14/28

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	94.575.116.283	57.010.577.424
Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	2.949.240.603	7.389.069.076
Phải thu khách hàng về giao dịch kỳ quỹ	91.625.875.080	46.196.096.348
Phải thu phí tư vấn	-	3.425.212.000
Trả trước người bán	9.627.317	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	79.053.389	70.791.264
Phải thu khác	242.323.572	302.048.213
Cộng	94.906.120.561	57.583.216.901
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.316.848.972)	(1.316.848.972)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	93.589.271.589	56.066.367.929

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
Tại ngày 01 tháng 01	1.223.360.037	1.348.563.236
Tăng trong kỳ	9.578.700.470	9.366.221.569
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(9.708.770.748)	(9.491.424.768)
Tại ngày 31 tháng 12	1.093.289.759	1.223.360.037

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Đầu năm	17.497.010.190	474.809.600	94.601.654	18.066.421.444
Tăng trong năm	334.044.731	-	-	334.044.731
Giảm trong năm	(2.548.684.112)	-	-	(2.548.684.112)
Cuối năm	15.282.370.809	474.809.600	94.601.654	15.851.782.063
Khấu hao lũy kế				
Đầu năm	9.565.402.428	255.231.792	61.096.904	9.879.731.124
Tăng trong năm	2.368.489.773	47.480.964	11.825.208	2.427.795.945
Giảm trong năm	(1.817.332.734)	-	-	(1.817.332.734)
Cuối năm	10.116.559.467	300.712.756	72.922.112	10.490.194.335
Giá trị còn lại				
Đầu năm	7.931.607.762	221.577.808	33.504.750	8.186.690.320
Cuối năm	5.165.811.342	174.096.844	21.679.542	5.361.587.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

9. TÀI SẢN CỎ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Website Công ty	Cộng
Nguyên giá			
Đầu năm	12.252.271.418	315.834.320	12.568.105.738
Tăng trong năm	312.000.000	-	312.000.000
Giảm trong năm	(141.000.000)	-	(141.000.000)
Cuối năm	12.423.271.418	315.834.320	12.739.105.738
Khấu hao lũy kế			
Đầu năm	3.725.838.883	19.739.646	3.745.598.529
Tăng trong năm	2.455.271.792	78.958.584	2.534.230.376
Giảm trong năm	(141.000.000)	-	(141.000.000)
Cuối năm	6.038.130.675	98.698.230	6.136.828.905
Giá trị còn lại			
Đầu năm	8.526.432.535	296.094.674	8.824.507.209
Cuối năm	6.385.140.743	217.136.090	6.602.276.833

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
Tại ngày 01 tháng 01	3.725.085.509	4.640.069.383
Tăng trong kỳ	791.965.778	335.575.162
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.448.471.760)	(1.250.559.036)
Tại ngày 31 tháng 12	3.068.579.527	3.725.085.509

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Các khoản lỗ thuế phát sinh bởi Công ty, có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI (tiếp theo)

Năm phát sinh lỗi	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau
2009	Chưa được kiểm tra	7.740.321.931
2010	Chưa được kiểm tra	12.928.294.575
2011	Chưa được kiểm tra	11.688.762.131
2012	Chưa được kiểm tra	1.071.152.802
2013	Chưa được kiểm tra	47.839.578.829

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh sẽ không được ghi nhận khi kỳ hạn đạt được lợi nhuận chịu thuế tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không chắc chắn.

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2013	Năm 2012
Tại ngày 01 tháng 01	1.801.848.686	1.580.762.395 ⁶
Tiền nộp bổ sung	266.836.590	45.389.937
Tiền lãi được phân bổ trong năm	227.831.636	175.696.354
Tại ngày 31 tháng 12	2.296.516.912	1.801.848.686

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	1.037.070.000	1.037.070.000
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hà Nội	109.807.920	109.807.920
Đặt cọc thuê nhà cho Ban Tổng Giám đốc	105.000.000	107.120.000
Kỳ quỹ dài hạn khác	8.000.000	8.000.000
Cộng	1.259.877.920	1.261.997.920

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	500.776.256	279.323.817
Thuế nhà thầu	68.320.364	5.316.659
Cộng	569.096.620	284.640.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	26.030.185.002	14.703.256.574
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với Trung tâm Lưu ký chứng khoán	14.718.231.500	25.137.033.000
Cộng	40.748.416.502	39.840.289.574

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn	58.927.142	29.086.671
Các khoản phải trả khác	-	39.960.000
Cộng	58.927.142	69.046.671

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vốn điều lệ	263.646.000.000	-	-	263.646.000.000
Lỗ lũy kế	(105.917.160.975)	-	(6.334.447.600)	(112.251.608.575)
Cộng	157.728.839.025	-	(6.334.447.600)	151.394.391.425

17.1 Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký và phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	26.364.600	26.364.600
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

Ngày 27 tháng 12 năm 2013, UBCK Nhà nước đã ký quyết định số 915/QĐ-UBCK, chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần tại CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Theo đó, Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Han Quốc đã nhận chuyển nhượng vốn từ các cổ đông khác để tăng tỷ lệ nắm giữ từ 48,795% lên 92,3% vốn của Công ty.

18. DOANH THU KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu hoạt động giao dịch kỳ quỹ	10.302.548.086	7.592.483.094
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.331.086.206	2.725.840.376
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	1.411.296.731	1.146.944.389
Doanh thu khác	27.613.191	18.990.515
Cộng	14.072.544.214	16.484.258.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí hoạt động mỗi giới chứng khoán	8.277.206.166	8.285.505.744
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	251.922.133	6.336.106.232
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(1.778.264.530)	(10.857.749.306)
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	590.871.833	521.270.397
Chi phí lưu ký chứng khoán	530.051.061	652.757.745
Chi phí khác	116.376.672	3.705.331
Cộng	7.988.163.335	4.941.596.143

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên	12.298.398.744	10.821.236.330
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.117.008.724	893.027.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.962.026.321	5.060.963.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.226.243.139	10.559.992.210
Chi phí bằng tiền khác	2.667.362.481	3.748.608.113
Cộng	32.271.039.409	31.083.827.410

21. CHI PHÍ THUẾ, THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(6.334.447.600)	(1.397.048.262)
Điều chỉnh	(41.505.131.229)	(2.468.201.064)
a) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	529.893.000	600.866.420
Các khoản chi phí không được trừ	529.893.000	600.866.420
b) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	(42.035.024.229)	(3.069.067.484)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niên yết	(40.269.845.638)	(761.939.964)
Thu nhập không chịu thuế (tối thiểu)	(1.765.178.541)	(2.367.177.520)
Thu nhập tính thuế (Lỗ được chuyển)	(47.839.578.829)	(1.071.152.802)
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Gia trị VND
Korea Investment & Securities	Công ty mẹ	Doanh thu phí tư vấn	3.631.224.700

23. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Đến 01 năm	4.613.162.880	4.613.162.880
Từ 01 đến 05 năm	7.523.790.400	12.136.933.280
Trên 05 năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

24. THỐNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
	Mối giới và dịch vụ khách hàng	Tư nhân	Các bộ phận khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh	28.249.814.102	3.794.406.518	3.103.499.862	33.924.785.144
2. Chi phí trực tiếp	8.277.206.166	890.871.813	646.427.733	7.988.163.315
3. Chi phí phân bổ	24.018.972.060	3.609.342.183	2.953.166.116	32.271.019.409
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(7.046.364.124)	(405.917.498)	(495.095.987)	(6.334.447.600)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tài sản bộ phận trực tiếp		121.668.078,050	34.178.480,560	-	-	155.846.558,610
1.	Tài sản bộ phận trực tiếp	-	-	-	-	-
2.	Tài sản bộ phận phân bổ	-	-	-	-	-
3.	Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	38.979.450,977
Tổng tài sản		121.668.078,050	34.178.480,560	-	-	194.776.009,587
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp		42.271.808,502	-	-	-	42.271.808,502
Nợ phải trả bộ phận phân bổ		-	-	-	-	-
Nợ phải trả bộ phận không phân bổ		-	-	-	-	1.109.809,660
Tổng công nợ		42.271.808,502	-	-	-	43.381.618,162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi kỳ hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty còn nắm giữ các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cần đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cần đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là rất nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Độ nhạy ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy ngoại tệ do mức độ rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất nhỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**25.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)***Rủi ro về giá cổ phần*

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6.784.211.813 đồng Việt Nam. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số thị trường.

25.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

25.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	40.748.416.502	-	-	40.748.416.502
Chi phí phải trả	481.785.898	-	-	481.785.898
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.523.392.000	-	-	1.523.392.000
Cộng	42.753.594.400	-	-	42.753.594.400
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	39.840.289.574	-	-	39.840.289.574
Chi phí phải trả	471.743.572	-	-	471.743.572
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.018.137.800	-	-	4.018.137.800
Cộng	44.330.170.946	-	-	44.330.170.946

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung thông qua khả năng các khoản nợ được tài trợ hoặc được tài trợ với chủ nợ hiện tại, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là tiền gửi của nhà đầu tư được quản lý tách biệt khỏi tiền gửi công ty và đối ứng bằng số dư tiền luôn sẵn có tại ngân hàng.

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản nợ phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý, thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại; mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bầu lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

+ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

+ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành:

+ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm năm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán năm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu: và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- + Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- + Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- + Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.
- + Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/ giá trị sổ sách của đơn vị phát hành, giá yết trên các tạp chí đầu tư chứng khoán. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường, giá trị hợp lý của công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B09-CTCK

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	78,564,286,164	(44,385,805,604)	78,557,407,177	(46,164,070,134)	34,197,261,688		32,550,041,646	
Chứng khoán thương mại	78,564,286,164	(44,385,805,604)	78,557,407,177	(46,164,070,134)	34,197,261,688		32,550,041,646	
Có phiếu nắm giữ	10,537,607,713	(3,772,177,030)	13,384,773,233	(5,894,274,496)	6,784,211,813		7,494,508,800	
Có phiếu chưa nắm giữ	68,026,678,449	(40,613,628,574)	65,172,633,944	(40,269,845,638)	27,413,049,875		25,055,532,846	
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	94,906,120,561	(1,316,848,972)	57,383,216,901	(1,316,848,972)	93,589,271,589		56,066,367,929	
Tiền và các khoản tương đương tiền	46,389,117,831	-	88,278,766,865	-	46,389,117,831		88,278,766,865	
Tổng cộng	219,859,524,556	(45,702,654,576)	224,219,390,943	(17,480,919,106)	174,175,651,108		176,895,176,440	

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng				
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	40,748,416,502	-	39,840,289,574	-	40,748,416,502		39,840,289,574	
Chi phí phải trả	481,785,898	-	471,743,572	-	481,785,898		471,743,572	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,523,392,000	-	4,018,137,800	-	1,523,392,000		4,018,137,800	
Tổng cộng	42,753,594,400	-	44,330,170,946	-	42,753,594,400		44,330,170,946	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2014/NQ-HDQT ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã chấp thuận việc từ nhiệm không tham gia vào Hội đồng Quản trị của các thành viên sau:

Ông Trần Văn Ai	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Ưông Tiến Thịnh	Phó chủ tịch

Và bầu ông Oh Kyung Hee – thành viên Hội đồng Quản trị tạm thời đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
Kế toán trưởng
03 tháng 3 năm 2014



OH KYUNG HEE
Tổng Giám đốc